

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 794 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2020

V/v triển khai Thông tư số
93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019
của Bộ Tài chính và thực hiện Quyết
định số 01/2020/QĐ-UBND ngày
03/02/2020 của UBND tỉnh

Kính gửi:

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản;
- Phòng Công chứng số 1, 3, 4.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 923/STC-QLG&CS ngày 03/3/2020 của Sở Tài chính về việc triển khai và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh và Công văn số 1110/STC-QLNS ngày 11/3/2020 của Sở Tài chính về việc triển khai Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính. Sở Tư pháp triển khai, hướng dẫn một số nội dung sau:

1. Kể từ ngày 20/02/2020 Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước của tỉnh, của các Sở, ngành và cấp huyện chấm dứt hoạt động theo quy định tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh. Vì vậy, yêu cầu các đơn vị nghiên cứu hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 923/STC-QLG&CS ngày 03/3/2020 để thực hiện việc thẩm định giá trong mua sắm tài sản, mua, bán, thanh lý, tài sản đúng quy định.

2. Ngày 31/12/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 93/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. Sở Tư pháp yêu cầu các đơn vị nghiên cứu nội dung Thông tư để thực hiện, phản ánh nội dung thu, chi đúng theo quy định về mục lục ngân sách nhà nước.

Các đơn vị truy cập trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn> mục "Văn bản chỉ đạo điều hành" để xem chi tiết nội dung Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính và Công văn số 923/STC-QLG&CS ngày 03/3/2020 của Sở Tài chính.

Nơi nhận: H

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP (Nga).



Võ Thị Xuân Đào

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1110/STC-QLNS

V/v triển khai Thông tư số
93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019
của Bộ Tài chính.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành khối tỉnh;
- UBND các huyện và các thành phố;
- Cục thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục quản lý thị trường tỉnh.
- Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện và các thành phố.

Sở Tài chính nhận được Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính triển khai Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính đến các đơn vị nêu trên nghiên cứu thực hiện.

Thông tư trên có hiệu lực từ ngày 14/02/2020 và được áp dụng từ năm ngân sách 2020. Một số điểm mới của Thông tư trên như sau:

- Về nguyên tắc sử dụng mã Chương khi thực hiện sáp nhập các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cấp chính quyền.

- Bổ sung Tiểu mục 1412 “Thu tiền sử dụng đất Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai”.

- Bổ sung Tiểu mục 3611 “Tiền thuê đất Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai”.

- Bổ sung Tiểu mục 4281 “Thu tiền phạt vi phạm hành chính do lực lượng quản lý thị trường thực hiện”.

- Sửa đổi tên Tiểu mục 4800 “Thu kết dư ngân sách” thành “Thu kết dư ngân sách và nguồn kết dư ngân sách sử dụng để trả nợ gốc, lãi các khoản vay của NSNN theo quy định”.

- Bổ sung Tiểu mục 4802 “Nguồn kết dư ngân sách sử dụng để trả nợ gốc, lãi các khoản vay của NSNN”.

- Sửa đổi tên tiêu mục 8953 “Cấp vốn điều lệ cho các quỹ (Cấp ban đầu và cấp bổ sung)” thành “Hỗ trợ vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”.

- Bổ sung Tiêu mục 8956 “Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay”.

Đối với Mục 8950 (trong đó gồm **Tiêu mục 8953, 8956**) được hạch toán ứng với tài khoản chi đầu tư phát triển. Do đó, đề nghị UBND các huyện và các thành phố rà soát lại nội dung chi tương ứng với các tiêu mục trên nếu đã bố trí dự toán chi thường xuyên để chi thì đề nghị các đơn vị trình HĐND các huyện và các thành phố điều chỉnh từ dự toán chi thường xuyên sang dự toán chi đầu tư phát triển để phản ánh đúng nội dung chi theo Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính.

Ví dụ: UBND huyện A ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay được bố trí dự toán chi thường xuyên để chi (hạch toán Tiêu mục 7799) thì UBND huyện A trình HĐND huyện A điều chỉnh từ dự toán chi thường xuyên sang dự toán chi đầu tư phát triển để phản ánh nội dung chi ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay (tương ứng với Tiêu mục 8956).

Các đơn vị truy cập vào địa chỉ: <http://stc.dongnai.gov.vn>, mục “Văn bản triển khai” để xem chi tiết Thông tư trên.

Đề nghị các đơn vị rà soát, phối hợp với Kho bạc Nhà nước phản ánh đúng nội dung thu, chi theo các văn bản hướng dẫn về mục lục ngân sách nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính./.

mauh
Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh;
 - KBNN tỉnh, các huyện và các TP;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu: VT, QLNS;
- Cương



Đinh Việt Tiến

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *93* /2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày *31* tháng *12* năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 324/2016/TT-BTC).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC:

1. Điểm a Khoản 3 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Về nguyên tắc sử dụng mã Chương khi thực hiện sáp nhập các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cấp chính quyền: Trong quá trình thực hiện cải cách bộ máy hành chính nhà nước, trường hợp cơ quan, tổ chức trực thuộc một cấp chính quyền sáp nhập, hợp nhất, trong khi chưa có mã Chương mới cho cơ quan hợp nhất, thì sử dụng mã Chương của đơn vị có tỷ trọng chi thường xuyên lớn nhất trong tổng số chi thường xuyên của các đơn vị được hợp nhất, sáp nhập hoặc sử dụng mã chương của của đơn vị có tên ở vị trí đầu tiên của tên đơn vị được hợp nhất, hoặc vẫn sử dụng mã Chương riêng (theo yêu cầu quản lý)”.

Ví dụ:

- Đơn vị hợp nhất “Văn phòng Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân” thì tạm thời sử dụng mã Chương 709- Huyện ủy.

- Các đơn vị Trung tâm văn hóa huyện; Đội điện ảnh huyện; Đài phát thanh huyện khi hợp nhất lấy tên là “Trung tâm truyền thông văn hóa” thì tạm thời sử dụng mã Chương 640 “Đài phát thanh” (do số chi thường xuyên của Đài

phát thanh huyện có tỷ trọng lớn nhất trong tổng số chi thường xuyên của 3 đơn vị)".

2. Mã Chương quy định tại Phụ lục I, được bổ sung như sau:

Chương 034 "Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp".

3. Mã Khoản, quy định tại Phụ lục II, được bổ sung nội dung hạch toán như sau:

Bổ sung nội dung hạch toán của mã Khoản 398 "Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác" như sau: Các nhiệm vụ chi phòng chống tệ nạn xã hội trong gia đình, mang tính đảm bảo xã hội của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (bạo lực gia đình, vấn đề giới trong gia đình, vấn đề bóc lột sức lao động trẻ em trong gia đình ...).

4. Mã Mục, Tiêu mục quy định tại Phụ lục III, được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 1400 "Thu tiền sử dụng đất":

- Tiêu mục 1412 "Thu tiền sử dụng đất Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai".

- Tiêu mục 1413 "Thu tiền sử dụng đất các dự án trọng điểm khác"

b) Bổ sung tiêu mục thuộc mục 2000 "Thuế bảo vệ môi trường", như sau:

- Tiêu mục 2022 "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng xăng (trừ etanol) bán ra trong nước";

- Tiêu mục 2023 "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng dầu diesel bán ra trong nước";

- Tiêu mục 2024 "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng dầu hỏa bán ra trong nước";

- Tiêu mục 2025 "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng dầu mazut, dầu mỡ nhờn bán ra trong nước";

- Tiêu mục 2026 "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng nhiên liệu bay bán ra trong nước";

c) Sửa đổi tên và bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 2300 "Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải":

- Sửa đổi tên Tiêu mục 2301 "Phí thuộc lĩnh vực đường bộ (*sử dụng đường bộ, sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố, sát hạch lái xe*)" thành "Phí thuộc lĩnh vực đường bộ (*không bao gồm phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô*)".

- Sửa đổi tên Tiêu mục 2303 "Phí thuộc lĩnh vực đường biển" thành "Phí thuộc lĩnh vực đường biển (*không bao gồm phí bảo đảm hàng hải*)".

- Bổ sung Tiêu mục 2324 "Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô".

- Bổ sung Tiểu mục 2325 “Phí bảo đảm hàng hải”.

d) Bổ sung Tiểu mục thuộc Mục 2650 “Phí thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm”:

- Tiểu mục 2666 “Phí hải quan đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam”.

đ) Sửa đổi tên và bổ sung Tiểu mục thuộc Mục 3000 “Lệ phí quản lý nhà nước đặc biệt về chủ quyền quốc gia”:

- Sửa đổi tên Tiểu mục 3002 “Lệ phí đi qua vùng đất, vùng biển” thành “Lệ phí đi qua vùng đất, vùng biển (không bao gồm lệ phí hàng hóa phương tiện quá cảnh”.

- Bổ sung Tiểu mục 3003 “Lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh”.

e) Bổ sung Tiểu mục thuộc Mục 3600 “Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước”

- Tiểu mục 3611 “Tiền thuê đất Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai”.

- Tiểu mục 3612 “Tiền thuê đất các dự án trọng điểm khác”.

f) Hủy bỏ các Tiểu mục thuộc Mục 3850 “Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản công”:

- Hủy bỏ Tiểu mục 3853 “Tiền thuê cơ sở hạ tầng đường sắt”;

- Hủy bỏ Tiểu mục 3854 “Tiền cho thuê cơ sở hạ tầng bến cảng, cầu cảng”;

- Hủy bỏ Tiểu mục 3856 “Tiền cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng”;

g) Sửa đổi tên Mục, Tiểu mục và bổ sung Tiểu mục thuộc Mục 3850 “Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản nhà nước”:

- Sửa đổi tên Mục 3850 “Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản nhà nước” thành “Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản công”;

- Sửa đổi tên Tiểu mục 3899 “Khác” thành “Thu từ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng khác”;

- Bổ sung Tiểu mục 3858 “Tiền thu từ sử dụng tài sản công của tổ chức vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết”;

- Bổ sung Tiểu mục 3859 “Thu từ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng hàng không”;

- Bổ sung Tiểu mục 3861 “Thu từ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải”;

- Bổ sung Tiểu mục 3862 “Thu từ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia”;

- Bổ sung Tiêu mục 3863 “Thu từ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa”;

- Bổ sung Tiêu mục 3864 “Thu từ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ”;

- Bổ sung Tiêu mục 3865 “Thu từ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi”;

h) Bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 4250 “Thu tiền phạt”, như sau:

- Tiêu mục 4281 “Thu tiền phạt vi phạm hành chính do lực lượng quản lý thị trường thực hiện”.

i) Sửa đổi tên và bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 4300 “Thu tịch thu”:

- Sửa đổi tên Tiêu mục 4311 “Tịch thu do phạm tội hoặc liên quan tội phạm theo quyết định của Tòa án, cơ quan Thi hành án” thành “Tịch thu do phạm tội hoặc liên quan tội phạm các vụ án khác theo quyết định của Tòa án, cơ quan Thi hành án”;

- Bổ sung Tiêu mục 4323 “Tịch thu từ các vụ án tham nhũng, kinh tế theo quyết định của Tòa án, cơ quan Thi hành án”.

k) Sửa đổi tên và bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 4800 “Thu kết dư ngân sách”:

- Sửa đổi tên Tiêu mục 4800 “Thu kết dư ngân sách” thành “Thu kết dư ngân sách và nguồn kết dư ngân sách sử dụng để trả nợ gốc, lãi các khoản vay của NSNN theo quy định”;

- Bổ sung Tiêu mục 4802 “Nguồn kết dư ngân sách sử dụng để trả nợ gốc, lãi các khoản vay của NSNN”.

l) Sửa đổi tên Mục, Tiêu mục và bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 7550 “Chi hoàn thuế giá trị gia tăng theo Luật thuế giá trị gia tăng” như sau:

- Sửa đổi tên Mục 7550 “Chi hoàn thuế giá trị gia tăng theo Luật thuế giá trị gia tăng” thành “Hoàn thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế nhập khẩu theo chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ, theo chế độ quy định”;

- Sửa đổi tên Tiêu mục 7551 “Chi hoàn thuế giá trị gia tăng” thành “Hoàn thuế giá trị gia tăng”;

- Sửa đổi tên Tiêu mục 7552 “Chi trả lãi do chậm hoàn trả thuế giá trị gia tăng theo chế độ quy định” thành “Trả lãi do chậm hoàn trả thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế nhập khẩu theo chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ”;

- Sửa đổi tên Tiêu mục 7599 “Chi khác” thành “Hoàn khác”.

- Bổ sung Tiêu mục 7553 “Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt mặt hàng xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học theo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt”;

- Bổ sung Tiêu mục 7554 “Hoàn thuế nhập khẩu đối với chương trình ưu đãi thuế sản xuất, lắp ráp ô tô”.

- Bổ sung Tiêu mục 7555 “Hoàn thuế nhập khẩu đối với chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ”.

m) Sửa đổi tên Mục 8150 “Chi quy hoạch” thành “Chi đánh giá quy hoạch”.

n) Mục 8600 “Trả các khoản phí và chi phí liên quan đến các khoản vay ngoài nước” được sửa thành Mục 8650 “Trả các khoản phí và chi phí liên quan đến các khoản vay ngoài nước”.

o) Sửa đổi tên Mục, Tiêu mục và bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 8950 “Đầu tư vốn cho các doanh nghiệp, các quỹ”, như sau:

- Sửa đổi tên Mục 8950 “Đầu tư vốn cho các doanh nghiệp, các quỹ” thành “Đầu tư, hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các quỹ”;

- Sửa đổi tên Tiêu mục 8953 “Cấp vốn điều lệ cho các quỹ (cấp ban đầu và cấp bổ sung)” thành “Hỗ trợ vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”;

- Bổ sung Tiêu mục 8956 “Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay”;

- Bổ sung Tiêu mục 8957 “Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

p) Bổ sung Mục 9150 “Chi quy hoạch theo Luật Quy hoạch” với các tiêu mục như sau:

- Tiêu mục 9151 “Chi quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng, lãnh thổ, tỉnh, thành phố”;

- Tiêu mục 9152 “Chi quy hoạch phát triển ngành kỹ thuật, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu”;

- Tiêu mục 9153 “Chi quy hoạch đô thị, nông thôn, đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt”;

- Tiêu mục 9154 “Chi quy hoạch sử dụng đất”;

- Tiêu mục 9199 “Chi quy hoạch khác”.

q) Bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 0840 “Vay và trả nợ gốc vay ngoài nước của Ngân sách nhà nước”, như sau:

- Tiêu mục 0865 “Gốc hóa lãi, phí tiền vay Trái phiếu Chính phủ phát hành ra thị trường quốc tế”;

- Tiêu mục 0866 “Gốc hóa lãi, phí tiền vay của các tổ chức quốc tế”;

- Tiêu mục 0867 “Gốc hóa lãi, phí tiền vay các tổ chức tài chính nước ngoài khác”;

- Tiêu mục 0868 “Gốc hóa lãi, phí tiền vay của Chính phủ các nước”;

- Tiêu mục 0869 “Gốc hóa lãi, phí tiền vay nước ngoài khác”.

5. Hướng dẫn về nội dung hạch toán thuế Thu nhập cá nhân tại Mục 1000 “Thuế thu nhập cá nhân”, được bổ sung như sau:

“Các khoản thuế Thu nhập cá nhân do cơ quan chi trả thu nhập thực hiện hoặc do cá nhân thực hiện: Nếu do Cục Thuế quản lý thì hạch toán chương 557 “Hộ gia đình, cá nhân”, nếu do Chi cục Thuế quản lý thì hạch toán chương 757 “Hộ gia đình, cá nhân” (không hạch toán mã chương 857 “Hộ gia đình, cá nhân”).”

6. Mã Chương trình mục tiêu và dự án quốc gia quy định tại Phụ lục IV, được bổ sung như sau:

Bổ sung mã số tiểu chương trình, nhiệm vụ, dự án 0972 “Kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông” thuộc Mã chương trình, mục tiêu 0950 “Các chương trình, mục tiêu, dự án khác”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 02 năm 2020 và được áp dụng từ năm ngân sách 2020.

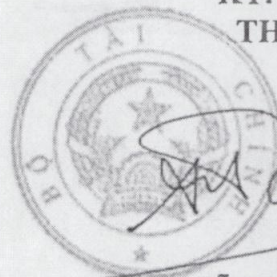
Điều 3. Tổ chức thực hiện

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp dưới thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (255 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



Người ký: Sở
Tài chính
Cơ quan: Tỉnh
Đồng Nai
Thời gian ký:
03.03.2020
15:33:05
+07:00

Số: 923 /STC-QLG&CS

Đồng Nai, ngày 3 tháng 03 năm 2020

V/v triển khai và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện và thành phố thuộc tỉnh;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh;
- Ban Quản lý dự án các huyện và thành phố thuộc tỉnh.

Ngày 03/02/2020 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đã bãi bỏ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 về phân công và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Tài chính triển khai và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị như sau:

Kể từ ngày 20/02/2020 Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước của tỉnh, của các Sở, ngành và cấp huyện chấm dứt hoạt động theo quy định tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh, vì vậy Sở Tài chính sẽ không tiếp nhận và thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị.

Việc thẩm định giá trong mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước thực hiện theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thẩm định giá đối với các gói mua sắm thiết bị trong các dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước do chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định theo Luật đầu tư công. Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả thẩm định giá theo Khoản 2 Điều 42 Luật giá năm 2012 và các quy định hiện hành khác.

Đối với việc mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội: Giá gói thầu mua sắm tài sản trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu do chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thẩm định giá thực hiện theo đúng quy định và chịu trách nhiệm. Sở Tài chính, các Sở, ngành, Phòng Tài chính - kế hoạch cấp huyện tổ chức thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết về việc sử dụng vốn nhà nước để mua

sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện mua sắm tài sản để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.


Trường hợp cơ quan, đơn vị có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ thâm định giá cho cán bộ, công chức, viên chức đề nghị lập danh sách cán bộ đăng ký tham dự gửi về Sở Tài chính tổng hợp để đăng ký với Bộ Tài chính mở lớp bồi dưỡng phù hợp với thực tế.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

Sở Tài chính có ý kiến như trên để các cơ quan, đơn vị thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QL&CS.


Lê Văn Thư



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật
do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số
176/TTr-STP ngày 16 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ nội dung một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành, cụ thể:

1. Quyết định số 1092/2005/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành Quy định xây dựng và tổ chức hoạt động trạm cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2008 về việc ban hành Quy định về bồi thường, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho nhân dân thuộc diện thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 về việc phê duyệt đề án quy hoạch karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

4. Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2010 ban hành Quy định tạm thời về hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tạm thời về hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tạm thời về hỗ trợ chi



phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 quy định mức hỗ trợ kinh phí tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh và sinh hoạt tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, quy định pháp luật đối với chức sắc, tu sĩ, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 ban hành Quy định một số nội dung hỗ trợ di dời, bảo tồn và phát triển các cơ sở sản xuất gốm mỹ nghệ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

9. Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2018 sửa đổi vào Điểm b, Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ kinh phí tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh và sinh hoạt tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, quy định pháp luật đối với chức sắc, tu sĩ, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

10. Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc phân công và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Bãi bỏ một phần nội dung một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành, cụ thể:

1. Điều 4, Điều 6, Điều 7 Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2013 ban hành Quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Điểm c Khoản 6 Điều 6 Quy định về mức hỗ trợ trong áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016.

3. Điểm d, Điểm e Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2018 ban hành đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về mức hỗ trợ trong áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 2 năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
 - Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
 - Ban Nội chính Tỉnh ủy;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, các phòng, THNC.
- <Maibnt.QĐ.T01>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiên Dũng

